

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556

ngày 18 tháng 7 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 18 tháng 7 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Văn Phở	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Đức Trí	Thành viên
	Ông Phạm Văn Tân	Thành viên
	Ông Đào Ngọc Phương	Thành viên
	Bà Trần Tường Anh	Thành viên (từ ngày 22/4/2016)
	Bà Đoàn Thị Xuân	Thành viên (đến ngày 22/4/2016)
Ban kiểm soát	Ông Bùi Đình Thành	Trưởng ban
	Ông Phan Hữu Phú	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Phương Mai	Thành viên
Ban điều hành	Ông Nguyễn Đức Trí	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Trần Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành
	Bà Trần Thị Hòa Châu	Giám đốc điều hành
	Ông Phan Văn Phước	Giám đốc điều hành (từ ngày 2/1/2016)
	Ông Phan Quang Long	Giám đốc điều hành (từ ngày 2/1/2016)
Trụ sở đăng ký	Ông Nguyễn Văn Cường	Kế toán trưởng
	36 Phố Ông Ích Đường	
	Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ	
	Thành phố Đà Nẵng	
	Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG	
	Việt Nam	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Đà Nẵng,

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-192-R



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		914.298.865.119	749.144.202.858
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	26.966.457.406	23.816.627.729
Tiền	111		26.966.457.406	21.424.995.247
Các khoản tương đương tiền	112		-	2.391.632.482
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		34.452.557.865	4.432.812.500
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(a)	34.452.557.865	4.432.812.500
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		323.443.189.036	253.235.488.825
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	269.039.077.285	219.420.917.009
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		44.777.237.281	27.366.441.763
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		261.000.000	522.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	10.389.712.582	6.949.968.165
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.023.838.112)	(1.023.838.112)
Hàng tồn kho	140	12	482.568.617.584	417.470.958.124
Hàng tồn kho	141		482.884.564.949	418.231.458.124
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(315.947.365)	(760.500.000)
Tài sản ngắn hạn khác	150		46.868.043.228	50.188.315.680
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16(a)	9.026.599.637	5.134.979.518
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		37.826.384.653	44.991.552.003
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18(a)	15.058.938	61.784.159

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		541.533.034.202	525.019.214.028
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.926.000.000	1.468.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215		1.926.000.000	1.468.000.000
Tài sản cố định	220		440.933.538.000	465.928.254.076
Tài sản cố định hữu hình	221	13	437.271.123.603	462.340.952.311
<i>Nguyên giá</i>	222		915.102.657.586	907.130.082.875
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(477.831.533.983)	(444.789.130.564)
Tài sản cố định vô hình	227	14	3.662.414.397	3.587.301.765
<i>Nguyên giá</i>	228		8.141.102.524	7.530.478.524
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.478.688.127)	(3.943.176.759)
Tài sản dở dang dài hạn	240		32.148.176.528	2.945.544.447
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	32.148.176.528	2.945.544.447
Đầu tư tài chính dài hạn	250		54.788.991.507	32.669.902.361
Đầu tư vào công ty con	251	8(b)	64.906.900.000	32.686.900.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	8(b)	4.000.000.000	7.700.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	8(b)	9.355.702.000	9.355.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	8(b)	(23.478.610.493)	(17.077.699.639)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	8(a)	5.000.000	5.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		11.736.328.167	22.007.513.144
Chi phí trả trước dài hạn	261	16(b)	11.736.328.167	22.007.513.144
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.455.831.899.321	1.274.163.416.886

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.186.347.297.598	985.480.216.489
Nợ ngắn hạn	310		838.552.555.543	744.535.569.499
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	166.082.793.516	167.422.868.096
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.599.997.619	7.740.961.040
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18(b)	4.581.746.958	3.545.886.857
Phải trả người lao động	314		91.843.382.213	138.786.506.543
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	4.867.076.894	9.118.650.512
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	19.136.048.497	12.202.834.275
Vay ngắn hạn	320	21(a)	508.621.269.900	382.088.445.718
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	32.820.239.946	23.629.416.458
Nợ dài hạn	330		347.794.742.055	240.944.646.990
Phải trả người bán dài hạn	331	17	3.054.133.000	3.054.133.000
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		21.942.000.000	21.942.000.000
Vay dài hạn	338	21(b)	322.798.609.055	215.948.513.990
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		269.484.601.723	288.683.200.397
Vốn chủ sở hữu	410	23	269.484.601.723	288.683.200.397
Vốn cổ phần	411	24	165.375.000.000	157.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		165.375.000.000	157.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	71.004.131.623	59.999.326.634
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.105.470.100	71.183.873.763
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		52.904.960	38.832.076
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		33.052.565.140	71.145.041.687
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.455.831.899.321	1.274.163.416.886

Người lập:



Nguyễn Thị Tường Long
 Phó phòng tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Văn Cường
 Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Trí
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

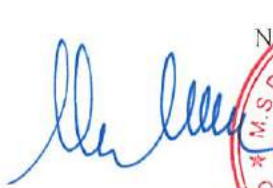
	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	1.430.687.012.856	1.360.451.882.372
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		304.225.733	902.125.413
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.430.382.787.123	1.359.549.756.959
Giá vốn hàng bán	11		1.302.203.000.630	1.222.180.131.296
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		128.179.786.493	137.369.625.663
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	12.572.705.574	7.213.490.308
Chi phí tài chính	22	30	21.340.661.801	23.590.089.709
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.977.055.079</i>	<i>9.960.801.898</i>
Chi phí bán hàng	25	31	36.616.555.109	47.436.019.147
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	47.233.283.996	43.688.802.479
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		35.561.991.161	29.868.204.636
Thu nhập khác	31	33	935.762.799	6.316.419.665
Chi phí khác	32	34	1.665.539.297	2.161.627.465
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(729.776.498)	4.154.792.200
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		34.832.214.663	34.022.996.836
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	1.779.649.523	2.528.678.583
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		33.052.565.140	31.494.318.253

Người lập:



Nguyễn Thị Tường Long
Phó phòng tài chính

Người duyệt:

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		34.832.214.663	34.022.996.836
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		44.348.983.485	34.450.306.296
Các khoản dự phòng	03		5.956.358.219	1.764.421.934
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.053.759.749)	4.554.500.387
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.070.368.013)	(2.929.265.454)
Chi phí lãi vay	06		10.977.055.079	9.960.801.898
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		93.990.483.684	81.823.761.897
Biến động các khoản phải thu	09		(68.611.540.378)	(10.517.104.502)
Biến động hàng tồn kho	10		(67.150.349.405)	(72.459.576.650)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(50.413.641.257)	16.717.856.087
Biến động chi phí trả trước	12		(2.801.803.494)	(761.889.011)
			(94.986.850.850)	14.803.047.821
Tiền lãi vay đã trả	14		(10.760.532.708)	(10.327.631.339)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.882.140.853)	(2.062.181.262)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		80.251.834	107.703.505
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.765.592.160)	(3.278.087.084)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(111.314.864.737)	(757.148.359)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(32.354.361.438)	(52.939.466.630)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		970.629.091	1.203.363.637
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(500.000.000)	(1.405.000.000)
Tiền chi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn – thuần	23		(30.019.745.365)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		303.000.000	260.400.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(21.020.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	1.726.087.203
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		949.973.011	2.100.418.803
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(81.670.504.701)	(49.054.196.987)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		7.875.000.000	7.500.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		1.375.655.509.643	1.100.391.464.659
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.141.322.284.828)	(1.025.643.034.745)
Tiền trả cổ tức	36		(46.073.025.700)	(29.344.290.233)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		196.135.199.115	52.904.139.681
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		3.149.829.677	3.092.794.335
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		23.816.627.729	42.884.483.121
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	5	26.966.457.406	45.977.277.456

Người lập:



Nguyễn Thị Tường Long
Phó phòng tài chính

Người duyệt:




Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Tri
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty có 7 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2016: 6 công ty con và 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 8(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty có 7.618 nhân viên (1/1/2016: 7.471 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chỉ tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 – 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 – 3 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Chi phí đào tạo

Chi phí đào tạo được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 – 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban điều hành thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

5. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty trong kỳ như sau:

- Một đơn vị trực thuộc trước đây của Tổng Công ty được tách ra và trở thành một công ty con của Tổng Công ty, Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ.
- Tổng Công ty đã góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần May Hợp Đức, một công ty liên kết của Tổng Công ty, nâng tỷ lệ vốn góp từ 37% lên 68,5%. Theo đó, Công ty Cổ phần May Hiệp Đức trở thành công ty con của Tổng Công ty.

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	38.385.416	23.863.500
Tiền gửi ngân hàng	26.928.071.990	21.401.131.747
Các khoản tương đương tiền	-	2.391.632.482
	26.966.457.406	23.816.627.729

8. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	34.452.557.865	34.452.557.865	4.432.812.500	4.432.812.500
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào:

Công ty con

Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Đà Nẵng	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000	(2.667.900.000)	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000	(2.667.900.000)	
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	54,00%	6.428.000.000	-	642.800	32,14%	54,00%	6.428.000.000	-	
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An	Quảng Nam	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(505.765.779)	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(84.914.979)	
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	Quảng Nam	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-	267.300	53,46%	53,46%	2.673.000.000	-	
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	Quảng Nam	2.652.000	51,00%	51,00%	26.520.000.000	-	135.000	51,00%	51,00%	15.500.000.000	-	
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	Đà Nẵng	-	100%	100%	2.000.000.000	(11.264.657)	-	-	-	-	-	
Công ty Cổ phần May Hiệp Đức (*)	Quảng Nam	1.370.000	68,50%	68,50%	13.700.000.000	(9.728.583.655)	-	-	-	-	-	
64.906.900.000							(12.913.514.091)		32.686.900.000			(2.752.814.979)

Công ty liên kết

Quảng Nam	400.000	20,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)
Quảng Nam	-	-	-	-	370.000	37,00%	37,00%	3.700.000.000	(3.539.755.187)
			4.000.000.000	(4.000.000.000)					
					7.700.000.000	(7.539.755.187)			

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2016				1/1/2016			
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết
					Giá gốc VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đơn vị khác								
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	-	855.702.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt may Phú Hòa An	Thừa Thiên Huế	160.000	8,00%	8,00%	1.600.000.000	(265.096.402)	1.600.000.000	(485.129.473)
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt - May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					9.355.702.000	(6.565.096.402)	9.355.702.000	(6.785.129.473)
					78.262.602.000	(23.478.610.493)	49.742.602.000	(17.077.699.639)

(*) Trong kỳ, Tổng Công ty đã hoàn tất thủ tục góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần May Hiệp Đức nâng tỷ lệ vốn góp từ 37% lên 68,5%. Công ty Cổ phần May Hiệp Đức trở thành công ty con của Tổng Công ty.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Motives (Far East) Limited	92.954.556.329	72.384.107.706
Supreme International Inc.	25.487.384.025	15.570.202.788
Aurora Investment Global Inc	22.628.704.035	15.642.169.827
Gamal Ibrahim Ahmed Al Okiya	21.447.367.762	22.025.410.219
Hultafors Group AB	18.698.359.650	6.136.864.791
Các khách hàng khác	87.822.705.484	87.662.161.678
	269.039.077.285	219.420.917.009

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 229.519 triệu VND (1/1/2016: 139.646 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 21(a)).

(b) Phải thu của khách hàng là công ty liên quan

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	2.704.353.651	3.707.485.375
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	-	278.900.000
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An	37.677.350	206.610.470
Công ty Cổ phần May Hiệp Đức	22.649.990	309.939.190
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	-	87.634.800
Các công ty liên quan khác	2.130.800	507.172.655
	2.766.811.791	5.097.742.490

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

10. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu tiền bảo hiểm xã hội ứng trước cho nhân viên	-	2.011.318.268
Tạm ứng	1.830.883.732	1.475.809.872
Phải thu thuế nhập khẩu tạm nộp	5.212.507.149	1.895.221.076
Phải thu khác	3.346.321.701	1.567.618.949
	10.389.712.582	6.949.968.165

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	30/6/2016			1/1/2016			
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Thanh Thu	Trên 3 năm	428.360.000	(299.852.000)	128.508.000	Trên 3 năm	428.360.000	(299.852.000)	128.508.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Trên 3 năm	464.924.753	(464.924.753)	-	Trên 3 năm	464.924.753	(464.924.753)	-
Công ty TNHH Dệt may Hoàng Anh	Trên 3 năm	96.888.118	(96.888.118)	-	Trên 3 năm	96.888.118	(96.888.118)	-
Khác	Trên 3 năm	162.173.241	(162.173.241)	-	Trên 3 năm	162.173.241	(162.173.241)	-
		1.152.346.112	(1.023.838.112)	128.508.000		1.152.346.112	(1.023.838.112)	128.508.000
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(1.023.838.112)				(1.023.838.112)	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	24.668.825.708	-	52.349.634.767	-
Nguyên vật liệu	149.152.354.909	-	101.761.668.573	-
Công cụ và dụng cụ	118.163.219	-	289.058.393	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	191.551.694.125	-	170.331.742.732	-
Thành phẩm	72.089.996.359	(285.500.801)	67.000.827.456	(730.053.436)
Hàng hóa	725.296.140	(30.446.564)	2.583.901.006	(30.446.564)
Hàng gửi đi bán	44.578.234.489	-	23.914.625.197	-
	482.884.564.949	(315.947.365)	418.231.458.124	(760.500.000)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 217.481 triệu VND (1/1/2016: 388.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 21(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	200.989.060.171	612.512.143.709	27.545.516.656	6.347.249.304	59.736.113.035	907.130.082.875
Tăng trong kỳ	337.454.546	6.157.226.959	528.000.000	738.467.967	1.212.658.507	8.973.807.979
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	724.610.656	689.130.000	-	-	1.765.336.801	3.179.077.457
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	11.598.018.800	-	-	-	11.598.018.800
Giảm do tách chi nhánh thành công ty con	(521.528.670)	(498.590.000)	-	-	-	(1.020.118.670)
Thanh lý	(4.892.118.924)	(6.940.920.777)	(193.127.150)	(1.885.802.170)	(846.241.834)	(14.758.210.855)
Số dư cuối kỳ	196.637.477.779	623.517.008.691	27.880.389.506	5.199.915.101	61.867.866.509	915.102.657.586
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	61.164.772.617	337.106.438.830	17.818.328.205	4.738.803.976	23.960.786.936	444.789.130.564
Khấu hao trong kỳ	7.081.074.406	30.511.588.551	1.512.560.812	334.691.606	4.363.949.617	43.803.864.992
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	2.404.711.313	-	-	-	2.404.711.313
Giảm do tách chi nhánh thành công ty con	(80.599.085)	(41.549.160)	-	-	-	(122.148.245)
Thanh lý	(3.515.218.953)	(6.934.672.111)	(193.127.150)	(1.885.802.170)	(515.204.257)	(13.044.024.641)
Số dư cuối kỳ	64.650.028.985	363.046.517.423	19.137.761.867	3.187.693.412	27.809.532.296	477.831.533.983
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	139.824.287.554	275.405.704.879	9.727.188.451	1.608.445.328	35.775.326.099	462.340.952.311
Số dư cuối kỳ	131.987.448.794	260.470.491.268	8.742.627.639	2.012.221.689	34.058.334.213	437.271.123.603

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 148.754 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 156.321 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 437.271 triệu VND (1/1/2016: 462.341 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn (Thuyết minh 21) của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	7.530.478.524
Tăng trong kỳ	666.379.000
Thanh lý	(55.755.000)
Số dư cuối kỳ	8.141.102.524
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	3.943.176.759
Khấu hao trong kỳ	545.118.493
Thanh lý	(9.607.125)
Số dư cuối kỳ	4.478.688.127
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	3.587.301.765
Số dư cuối kỳ	3.662.414.397

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 3.297 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/1/2016: 2.987 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	2.945.544.447	3.941.942.961
Tăng trong kỳ/năm	32.482.288.538	160.374.197.422
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.179.077.457)	(151.579.487.797)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(100.579.000)	(9.791.108.139)
Số dư cuối kỳ/năm	32.148.176.528	2.945.544.447

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy tại Điện Bàn	14.079.628.062	46.208.000
Công trình xây dựng nhà xưởng may thời trang	9.880.396.553	39.843.826
Chi phí đầu tư máy móc thiết bị sợi	6.805.206.866	-
Mở rộng Nhà máy May Hòa Thọ 1	655.316.423	610.861.637
Mở rộng Nhà máy May Đông Hà	430.545.456	2.248.630.984
Chi phí đầu tư nhà điều hành	288.583.168	-
Chi phí đầu tư Nhà máy Hòa Quý	8.500.000	-
	32.148.176.528	2.945.544.447

16. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Trả trước phí bảo hiểm	405.306.290	302.470.897
Công cụ và dụng cụ	6.635.949.134	2.759.912.636
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	456.357.257	560.017.951
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.528.986.956	1.512.578.034
	9.026.599.637	5.134.979.518

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí đào tạo VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	20.219.101.080	163.626.254	1.624.785.810	22.007.513.144
Tăng trong kỳ	3.410.546.638	-	-	3.410.546.638
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	100.579.000	-	-	100.579.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (*)	(7.655.037.815)	-	-	(7.655.037.815)
Phân bổ trong kỳ	(5.597.377.911)	(163.626.254)	(366.268.635)	(6.127.272.800)
Số dư cuối kỳ	10.477.810.992	-	1.258.517.175	11.736.328.167

(*) Trong kỳ, Tổng Công ty điều chuyển một số tài sản sang tài sản cố định hữu hình và tính lại khấu hao từ đầu cho những tài sản này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Kufner Hongkong Ltd.	16.178.378.419	9.542.122.310
The Kingtex Corporation	13.600.588.417	-
Công ty Cổ phần May		
Hoà Thọ Quảng Nam	8.959.329.272	12.057.880.863
Hultafors Group AB	8.949.982.768	24.036.163.668
Ban Quản lý Cơ sở		
Hạ tầng Tỉnh Quảng Trị	3.054.133.000	4.579.133.000
Motives (Far East) Limited	1.590.383.617	9.574.682.825
Cargill Cotton Ltd.	-	6.473.251.964
Các nhà cung cấp khác	116.804.131.023	104.213.766.466
	<u>169.136.926.516</u>	<u>170.477.001.096</u>

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngắn hạn	166.082.793.516	167.422.868.096
Dài hạn	3.054.133.000	3.054.133.000
	<u>169.136.926.516</u>	<u>170.477.001.096</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Phải trả người bán là các công ty liên quan

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Số có khả năng	Giá gốc	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ Quảng Nam	8.959.329.272	8.959.329.272	16.486.905.119	16.486.905.119
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ Hội An	31.096.062	31.096.062	-	-
Công ty Cổ phần May Hiệp Đức	-	-	1.104.019.297	1.104.019.297
Chi Nhánh Tập Đoàn Dệt May Việt Nam - Xí Nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi	2.119.135.290	2.119.135.290	-	-
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	33.579.229	33.579.229	215.783.326	215.783.326
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ Phần	183.407.574	183.407.574	4.573.535.775	4.573.535.775
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú	-	-	2.470.685.085	2.470.685.085
Công ty TNHH Coast Phong Phú	1.383.982.637	1.383.982.637	1.792.215.323	1.792.215.323
	12.710.530.064	12.710.530.064	26.643.143.925	26.643.143.925

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được hoàn lại trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế thu nhập cá nhân	49.012.280	-	(49.012.280)	-
Thuế nhà thầu	10.207.684	4.851.254	-	15.058.938
Thuế khác	2.564.195	-	(2.564.195)	-
	61.784.159	4.851.254	(51.576.475)	15.058.938

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.197.106.450	24.841.901.742	(23.815.064.685)	3.223.943.507
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.348.780.407	1.779.649.523	(1.882.140.853)	1.246.289.077
Thuế thu nhập cá nhân	-	985.280.287	(873.765.913)	111.514.374
Các loại thuế khác	-	6.839.315.175	(6.839.315.175)	-
	3.545.886.857	34.446.146.727	(33.410.286.626)	4.581.746.958

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí hoạt động	3.845.846.161	8.270.151.703
Chi phí lãi vay	671.775.533	455.253.162
Các khoản trích trước khác	349.455.200	393.245.647
	4.867.076.894	9.118.650.512

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	4.871.148.342	4.893.980.750
Bảo hiểm xã hội	1.129.177.665	1.458.566
Bảo hiểm y tế	196.820.280	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	106.431.800	41.613.000
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	4.137.231.441	4.672.021.554
Cổ tức phải trả	1.531.049.997	354.075.697
Mượn nguyên liệu bông từ đơn vị khác	2.549.819.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.614.369.972	2.239.684.708
	19.136.048.497	12.202.834.275

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong năm		30/6/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	323.783.694.126	323.783.694.126	1.182.006.053.884	(1.002.464.424.852)	503.325.323.158	503.325.323.158
Vay dài hạn đến hạn trả	58.304.751.592	58.304.751.592	387.623.322	(53.396.428.172)	5.295.946.742	5.295.946.742
	382.088.445.718	382.088.445.718	1.182.393.677.206	(1.055.860.853.024)	508.621.269.900	508.621.269.900

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Loại tiền	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	100.952.206.725	64.757.770.302
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	85.472.340.193	36.988.157.420
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (i)	62.679.569.325	16.679.548.566
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương (i)	56.227.339.193	11.382.179.448
Ngân hàng ANZ (i)	55.684.590.084	5.531.334.757
Ngân hàng Indovina (i)	46.699.611.685	19.732.663.024
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (i)	42.248.436.856	68.973.312.499
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (i)	36.877.277.844	2.993.748.977
Ngân hàng Hàng hải Đà Nẵng(ii)	14.297.374.137	-
Ngân hàng HSBC (i)	1.753.278.375	9.527.919.809
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	275.938.741	47.299.070.820
Vay từ Ban liên lạc hưu trí (ii)	157.360.000	100.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ - Hà Nội (i)	-	36.317.988.504
Ngân hàng TMCP Ngoại thương (ii)	-	3.500.000.000

503.325.323.158	323.783.694.126
-----------------	-----------------

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu (Thuyết minh 9), hàng tồn kho (Thuyết minh 12) và tài sản cố định của Tổng Công ty (Thuyết minh 13).

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn	328.094.555.797	274.253.265.582
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(5.295.946.742)	(58.304.751.592)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	322.798.609.055	215.948.513.990

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	2035	203.208.816.245	-
Kuraray Trading Co., Ltd.	USD	2023	62.988.821.114	72.088.692.522
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	2021	22.351.000.000	-
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	2020	19.618.970.217	19.783.990.413
Kuraray Trading Co., Ltd.	USD	2021	6.078.204.698	6.742.413.378
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	2017	4.693.710.000	6.310.920.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	2021	4.290.927.322	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	2020	3.326.250.116	3.748.843.126
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	2019	1.537.856.085	1.691.795.371
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	VND	2019	-	47.607.635.988
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	2021	-	44.675.540.010
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	2018	-	23.057.712.546
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	2018	-	15.306.828.577
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	2020	-	13.436.827.701
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	2018	-	5.136.547.944
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	VND	2021	-	887.140.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	VND	2019	-	5.146.340.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	VND	2019	-	5.026.160.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	2016	-	1.409.975.829
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	VND	2016	-	1.299.990.000
Ngân hàng ANZ – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	USD	2016	-	484.791.351
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	2017	-	288.846.751
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	2016	-	122.274.075
			328.094.555.797	274.253.265.582

Các khoản vay dài hạn còn lại là từ các ngân hàng trong nước và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định của Tổng Công ty (Thuyết minh 13).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	23.629.416.458	7.021.989.234
Trích lập trong kỳ/năm	12.876.163.814	19.929.036.422
Tăng khác	80.251.834	649.810.686
Sử dụng trong kỳ/năm	(3.765.592.160)	(3.971.419.884)
Số dư cuối kỳ/năm	32.820.239.946	23.629.416.458

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	150.000.000.000	50.718.782.765	59.248.412.367	259.967.195.132
Phát hành cổ phiếu	7.500.000.000	-	-	7.500.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	31.494.318.253	31.494.318.253
Phân bổ vào các quỹ	-	9.280.543.869	(9.280.543.869)	-
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(19.929.036.422)	(19.929.036.422)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	157.500.000.000	59.999.326.634	31.533.150.329	249.032.476.963
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	157.500.000.000	59.999.326.634	71.183.873.763	288.683.200.397
Phát hành cổ phiếu (*)	7.875.000.000	-	-	7.875.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	33.052.565.140	33.052.565.140
Phân bổ vào các quỹ	-	11.004.804.989	(11.004.804.989)	-
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	(47.250.000.000)	(47.250.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(12.876.163.814)	(12.876.163.814)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	165.375.000.000	71.004.131.623	33.105.470.100	269.484.601.723

(*) Ngày 29 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty phát hành thêm 787.500 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên, nâng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 157.500 triệu VND lên 165.375 triệu VND.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	16.537.500	165.375.000.000	15.750.000	157.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	16.537.500	165.375.000.000	15.750.000	157.500.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	16.537.500	165.375.000.000	15.750.000	157.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

26. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 22 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 47.250 triệu VND cho năm 2015 (tương đương 30% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015), (kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015: 30.000 triệu VND cho năm 2014, tương đương 20% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Vật tư hàng hóa nhận gia công	122.911.870.897	45.335.207.630

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	721.312	16.066.031.067	280.882	6.307.078.991
EUR	1.775	43.826.070	1.781	43.562.201
		<u>16.109.857.137</u>		<u>6.350.641.192</u>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt đã ký kết hợp đồng	80.830.000.000	-
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	72.000.000.000	83.405.408.000

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	739.973.011	788.818.803
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	376.087.203
Cổ tức được chia	1.120.100.000	1.311.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.559.797.994	4.736.984.302
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.053.759.749	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	99.074.820	-
	12.572.705.574	7.213.490.308

30. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	10.977.055.079	9.960.801.898
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.962.695.868	7.238.417.218
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.554.500.387
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	6.400.910.854	1.836.370.206
	21.340.661.801	23.590.089.709

31. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.519.270.631	2.233.596.953
Chi phí vật liệu, bao bì	387.987.448	314.212.900
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.177.743.362	2.121.482.029
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.121.793	106.649.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.896.487.149	38.291.361.807
Chi phí khác	5.565.944.726	4.368.716.391
	36.616.555.109	47.436.019.147

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	24.192.057.260	24.453.177.313
Chi phí vật liệu	37.411.859	17.429.338
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.859.476.653	1.422.778.121
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.970.088.421	1.787.318.544
Thuế, phí và lệ phí	1.358.175.114	1.298.691.543
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.214.943.021	6.036.517.142
Chi phí khác	8.601.131.668	8.672.890.478
	47.233.283.996	43.688.802.479

33. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	452.759.448
Xóa nợ phải trả	-	4.422.828.579
Các khoản khác	935.762.799	1.440.831.638
	935.762.799	6.316.419.665

34. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	789.704.998	-
Các khoản khác	875.834.299	2.161.627.465
	1.665.539.297	2.161.627.465

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	829.109.683.322	740.709.537.976
Chi phí nhân viên	290.706.696.747	260.984.044.278
Chi phí khấu hao	44.348.983.485	34.450.306.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	266.076.282.802	278.149.315.357

36. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	1.779.649.523	2.528.678.583

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	34.832.214.663	34.022.996.836
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	3.483.221.466	3.402.299.684
Ưu đãi thuế	(1.749.541.542)	(1.334.785.352)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	63.685.116	879.274.775
Chi phí không được khấu trừ thuế	218.042.588	338.039.461
Thu nhập không bị tính thuế	(112.010.000)	(131.160.000)
Giảm thuế	(78.394.400)	(144.315.400)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	(45.353.705)	(480.674.585)
	1.779.649.523	2.528.678.583

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 – 2021) và 20% cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% từ năm 2016 (năm 2015: 22%).

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Cổ tức công bố và đã trả	32.227.446.000	21.484.964.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.694.032.023	-
Vay nhận được trong kỳ	193.649.455.759	-
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.465.303.773	2.504.373.909
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.287.456.313	847.912.018
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam		
Mua hàng hóa và dịch vụ	56.630.477.549	57.781.707.258
Cổ tức nhận được theo biên bản bù trừ công nợ	642.800.000	1.285.600.000
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An		
Mua hàng hóa và dịch vụ	22.365.919.660	17.658.338.886
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	391.659.994	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	23.955.848.800	25.290.253.922
Góp vốn	5.500.000.000	-
Cổ tức nhận được theo biên bản bù trừ công nợ	267.300.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí xây dựng Hòa Thọ		
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.375.011.846	-
Góp vốn	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình		
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.694.233.640	-
Góp vốn	11.020.000.000	-

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30/6/2016	30/6/2015
VND	VND
1.000.000	1.000.000
2.000.000	2.000.000
3.000.000	3.000.000
4.000.000	4.000.000
5.000.000	5.000.000
6.000.000	6.000.000
7.000.000	7.000.000
8.000.000	8.000.000
9.000.000	9.000.000
10.000.000	10.000.000
11.000.000	11.000.000
12.000.000	12.000.000
13.000.000	13.000.000
14.000.000	14.000.000
15.000.000	15.000.000
16.000.000	16.000.000
17.000.000	17.000.000
18.000.000	18.000.000
19.000.000	19.000.000
20.000.000	20.000.000
21.000.000	21.000.000
22.000.000	22.000.000
23.000.000	23.000.000
24.000.000	24.000.000
25.000.000	25.000.000
26.000.000	26.000.000
27.000.000	27.000.000
28.000.000	28.000.000
29.000.000	29.000.000
30.000.000	30.000.000
31.000.000	31.000.000
32.000.000	32.000.000
33.000.000	33.000.000
34.000.000	34.000.000
35.000.000	35.000.000
36.000.000	36.000.000
37.000.000	37.000.000
38.000.000	38.000.000
39.000.000	39.000.000
40.000.000	40.000.000
41.000.000	41.000.000
42.000.000	42.000.000
43.000.000	43.000.000
44.000.000	44.000.000
45.000.000	45.000.000
46.000.000	46.000.000
47.000.000	47.000.000
48.000.000	48.000.000
49.000.000	49.000.000
50.000.000	50.000.000
51.000.000	51.000.000
52.000.000	52.000.000
53.000.000	53.000.000
54.000.000	54.000.000
55.000.000	55.000.000
56.000.000	56.000.000
57.000.000	57.000.000
58.000.000	58.000.000
59.000.000	59.000.000
60.000.000	60.000.000
61.000.000	61.000.000
62.000.000	62.000.000
63.000.000	63.000.000
64.000.000	64.000.000
65.000.000	65.000.000
66.000.000	66.000.000
67.000.000	67.000.000
68.000.000	68.000.000
69.000.000	69.000.000
70.000.000	70.000.000
71.000.000	71.000.000
72.000.000	72.000.000
73.000.000	73.000.000
74.000.000	74.000.000
75.000.000	75.000.000
76.000.000	76.000.000
77.000.000	77.000.000
78.000.000	78.000.000
79.000.000	79.000.000
80.000.000	80.000.000
81.000.000	81.000.000
82.000.000	82.000.000
83.000.000	83.000.000
84.000.000	84.000.000
85.000.000	85.000.000
86.000.000	86.000.000
87.000.000	87.000.000
88.000.000	88.000.000
89.000.000	89.000.000
90.000.000	90.000.000
91.000.000	91.000.000
92.000.000	92.000.000
93.000.000	93.000.000
94.000.000	94.000.000
95.000.000	95.000.000
96.000.000	96.000.000
97.000.000	97.000.000
98.000.000	98.000.000
99.000.000	99.000.000
100.000.000	100.000.000

Đ. N. H. H. * LỘN

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

Kỳ sáu tháng
kết thúc ngày
30/6/2016
VND

Góp vốn vào công ty con thông qua bù trừ công nợ	7.500.000.000
Mua sắm tài sản cố định chưa thanh toán	9.768.114.079
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	910.100.000
Giảm khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác do chia tách một đơn vị phụ thuộc	1.223.988
Giảm hàng tồn kho do chia tách một đơn vị phụ thuộc	2.497.242.580
Giảm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác do chia tách một đơn vị phụ thuộc	986.610.290
Giảm khoản phải trả người bán do chia tách một đơn vị phụ thuộc	(1.009.709.302)
Giảm khoản phải trả thuế, phải trả người lao động, và các khoản phải trả khác do chia tách một đơn vị phụ thuộc	(475.367.556)

Người lập:



Nguyễn Thị Tường Long
Phó phòng tài chính

Người duyệt:





Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc